

THIẾT BỊ ĐIỆN

WEGH6803CYH-VN
WEVH5531MYHK

*Thiết kế

Thiết kế mặt kính sang trọng với vẻ ngoài "trong suốt", mang đến nét thanh lịch và hiện đại cho mọi công trình.

*Công nghệ

Sản phẩm có kiểu dáng và cấu trúc độc đáo: ổ cắm dễ dàng tiếp xúc và chia sẻ điện giữa các phích cắm. Công tắc có nút bấm lớn cùng trang bị thêm công nghệ chạm nhẹ êm ái và trơn tru.

*Chất lượng

Vật liệu Urea resin cao cấp, khả năng chống cháy hiệu quả và an toàn khi sử dụng.



• WIDE SERIES



• HALUMIE - ACRYLIC
• FULL COLOR



• MODERVA

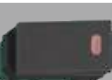
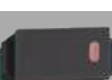


• MINERVA



• GEN-X



 NEW WEV502107SW Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ nhỏ, bắt vít 250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Pillar Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 80.000	 NEW WEV502127SW Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị 250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar 5 cái/hộp, 50 cái/thùng 90.000
 WEV5001SW/WEV5001-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 23.000	 WEV5001H/WEV5001-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B (1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 37.500
 WEG5151-51SWK/WEG51517SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 116.000	 WEG5151-51KH/WEG51517H Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 149.000
 WEV5002SW/WEV5002-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C - 2 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 47.000	 WEV5002H/WEV5002-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C (2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 66.000
 WEG5152-51SWK/WEG51527SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 137.000	 WEG5152-51KH Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 175.000
 WEV5033-7SW Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 251.000	 WEV5033-7H Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 312.000
 WEG5141SW Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 320.000	 WEG5003KH Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 216.000
 WEG5004KSW Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 255.000	 WEG5004KH Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E (4 ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 327.000
 WEG5401-011SW Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 71.000	 WEG5401-7H Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 109.000
 WEG3032RSW Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 120.000	 WEG3032RH Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 149.000
	 WEG3020H Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng 16.000
	 WEG3020SW Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng 11.500
	 WEG3023SW Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip dia 9mm/16mm Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 11.500

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



	WEV1081SW/ WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	42.600
	WEV1181SW/ WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	71.000
	WEV1582SW/ WEV1582-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	103.000
	WEI1171SW-VN Xuất xứ Ấn Độ Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	175.000
	WEV157207SW Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng * Dự kiến có hàng T9.2025	150.000
	WEV2501SW Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000
	WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	89.000
	WEV2488SW - CAT5E Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6 Data modular CAT5E/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	194.000
	WEV24886SW - CAT6 Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6 Data modular CAT5E/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	232.000
	WEG2021SW Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	776.000
	WEF108107-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2.4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	620.000
	WEF412417W-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	900.000
	WEF11821W Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	735.000
	WEF14821W-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.040.000
	WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	355.000
	WEG57912SW Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	776.000
	WEF5791501SW-VN Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.370.000
	WEV1081H/WEV1081-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	52.000
	WEV1181H/WEV1181-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	96.000
	WEV1582H/WEV1582-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	140.000
	WEI1171H-VN Xuất xứ Ấn Độ Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	235.000
	WEV157207H Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng * Dự kiến có hàng T9.2025	220.000
	WEV2501H Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng	134.000
	WEV2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	134.000
	WEV2488H - CAT5E Ổ cắm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	232.000
	WEV24886H - CAT6 Ổ cắm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	280.000
	WEG2021H Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	929.000
	WEF108107H-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2.4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	725.000
	WEF412417H-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.045.000
	WEF11821H Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	850.000
	WEF14821H-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.200.000
	WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	598.000
	WEG57912H Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	884.000
	WEF5791501H-VN Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.529.000





WEG1001SW

Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A
Flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

32.000



WEG1090SW

Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A
round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

32.000



WEV68010SW

Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

18.700



WEV68020SW

Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

18.700



WEV68030SW

Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

18.700



WEV68040SW

Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

35.500



WEV68060SW

Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

35.500



WEV138307SW

Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A, Bắt vít
Triple universal WIDE receptacle with safety shutter
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

130.000



WEV1091SW/ WEG10919

Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

32.000



WEV7001SW

Mặt dùng cho CB 1 tếp
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng

18.700



WEV680290SW

Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

18.700



WEV7061SW

Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng

18.700



WEV68910SW

Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

18.700



WEV68920SW

Mặt kín đôi
Double cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

35.500

MẶT CÓ NẮP CHE



WEG7901K-VN - Màu beige
WEG7901SWK-VN - Màu trắng
WEG7901HK-VN - Màu xám
Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 1 device IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

249.000



WEG7902K-VN - Màu beige
WEG7902SWK-VN - Màu trắng
WEG7902HK-VN - Màu xám
Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 2 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

249.000



WEG7903K-VN - Màu beige
WEG7903SWK-VN - Màu trắng
WEG7903HK-VN - Màu xám
Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 3 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

249.000



WEG8981K-VN
Mặt có nắp che mưa
Cần lắp cùng mặt nạ
Weatherproof plate - IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng

239.000



WEG79029K-VN - Màu beige
WEG79029SWK-VN - Màu trắng
WEG79029HK-VN - Màu xám
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu có nắp che
Weatherproof plate, 1 gang-Center 2-Devices IP55
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

249.000



WEG8973SW-VN

Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị
Weatherproof plate with soft cover window,
1 gang -3 Device
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng

348.000



WEG8973LH-VN

Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị
Weatherproof plate with soft cover window,
1 gang -3 Device
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng

364.000



MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP



WEG6501-1

Dùng cho 1 thiết bị
1 device metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

83.000



WEG6502-1

Dùng cho 2 thiết bị
2 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

83.000



WEG6503-1

Dùng cho 3 thiết bị
3 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

83.000



WEG65029-1

Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

83.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG ÁNH KIM (MW)		MÀU ĐEN ÁNH KIM (MB)		MÀU XÁM ÁNH KIM (MH)	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68010MW	31.000	WEV68010MB	31.000	WEV68010MH	31.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68020MW	31.000	WEV68020MB	31.000	WEV68020MH	31.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68030MW	31.000	WEV68030MB	31.000	WEV68030MH	31.000
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68040MW	52.000	WEV68040MB	52.000	WEV68040MH	52.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68060MW	52.000	WEV68060MB	52.000	WEV68060MH	52.000
	Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV7061MW	31.000	WEV7061MB	31.000	WEV7061MH	31.000
	Mặt dùng cho CB 1 tếp 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV7001MW	31.000	WEV7001MB	31.000	WEV7001MH	31.000
	Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV680290MW	31.000	WEV680290MB	31.000	WEV680290MH	31.000
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68910MW	31.000	WEV68910MB	31.000	WEV68910MH	31.000

Refina MÀU

	WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	WEG55317MH Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG55327MH Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000

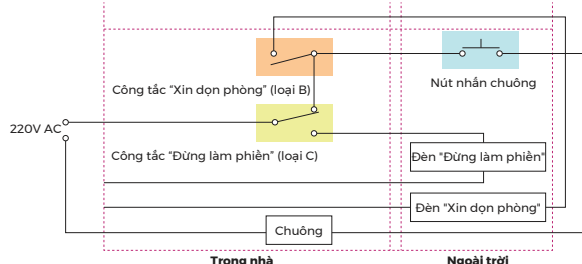
Refina TRẮNG

	WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bất vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.500		WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bất vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	69.000
	WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bất vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	37.500		WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bất vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	69.000
	WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh/ Bất vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	37.500		WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bất vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	69.000
	WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung 250VAC - 10A, Switch C - 3 ways Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị Đóng gói 5 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	155.000		WEV5533-7SW (Bất vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A, Glow Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	300.000



CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

Sơ đồ mạch điện dành cho đèn báo "Xin dọn phòng" - "Đừng làm phiền"



WEG5001K-031
Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A
Switch B "Make Up Room"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
32.000

WEG5002K-021
Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
Switch C "Do not disturb"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
56.000

WSBC9120SW-VN/WSBC9120W
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver socket build switch
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng
1.550.000

WNB5428690FK
Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo chuẩn BS, 250VAC - 45A
Dùng cho bếp điện từ, máy nước nóng
BS Glow switch D double pole
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
492.000

WEB11119SW-VN
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A
Receptacle - BS standard
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
126.000

WEB7811SW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
22.000

WEB7812SW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
22.000

WEB7813SW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
22.000

WEB7811MW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEB7812MW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEB7813MW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WBC7020
Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng
185.000

WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A
"Make Up Room" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
175.000

WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
"Do not disturb" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
175.000

WBC8981SW
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS
dùng cho công tắc, ổ cắm
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
223.000

WBC8991W
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS
dùng cho công tắc ổ cắm
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
240.000

WB68981 - P
Mặt vuông có nắp che mưa chuẩn BS
Weatherproof plate (BS type plate), IP55
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
235.000

WEBP1041B-MH
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
262.000

WEB7811MH
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEB7812MH
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEB7813MH
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEB7811MB
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEB7812MB
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

WEB7813MB
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
43.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub





HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	[Cắm nhanh - bắt vít] - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511K WEVH5511-7K	25.000	WEVH5511MYZK WEVH5511-7MYZK	40.600	WEVH5511MYHK WEVH5511-7MYHK	40.600
	[Cắm nhanh - bắt vít] - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521K WEVH5521-7K	25.000	WEVH5521MYZK WEVH5521-7MYZK	40.600	WEVH5521MYHK WEVH5521-7MYHK	40.600
	[Cắm nhanh/Bắt vít] - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5531K WEVH5531-7K	25.000	WEVH5531MYZK WEVH5531-7MYZK	40.600	WEVH5531MYHK WEVH5531-7MYHK	40.600
	[Cắm nhanh/Bắt vít] Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5151-51 WEVH5151-7	132.000	WEVH5151-51MYZ WEVH5151-7MYZ	177.000	WEVH5151-51MYH WEVH5151-7MYH	177.000
	[Cắm nhanh/Bắt vít] Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5152-51 WEVH5152-7	155.000	WEVH5152-51MYZ WEVH5152-7MYZ	218.000	WEVH5152-51MYH WEVH5152-7MYH	218.000
	[Cắm nhanh/Bắt vít] Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5512 WEVH5512-7	51.000	WEVH5512MYZ WEVH5512-7MYZ	73.000	WEVH5512MYH WEVH5512-7MYH	73.000
	[Cắm nhanh/Bắt vít] Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5522 WEVH5522-7	51.000	WEVH5522MYZ WEVH5522-7MYZ	73.000	WEVH5522MYH WEVH5522-7MYH	73.000
	[Cắm nhanh/Bắt vít] Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5532 WEVH5532-7	51.000	WEVH5532MYZ WEVH5532-7MYZ	73.000	WEVH5532MYH WEVH5532-7MYH	73.000
	Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít 250VAC - 16A Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH554127	100.000	WEVH554127MYZ	150.000	WEVH554127MYH	150.000
	Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 250VAC - 10A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5542-7	165.000	WEVH5542-7MYZ	250.000	WEVH5542-7MYH	250.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo 250VAC - 20A - Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5033-7	280.000	WEVH5033-7MYZ	385.000	WEVH5033-7MYH	385.000
	Nút nhấn chuông 250VAC - 10A - Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5401-011	77.000	WEVH5401-011MYZ	130.000	WEVH5401-011MYH	130.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm 250VAC - 16A - Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5003	172.000				
	[Cắm nhanh] Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521	19.500				
	[Cắm nhanh] Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511	19.500				



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC-16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEV1081SW WEV1081-7SW	42.600	WEV1081MYZ WEV1081-7MYZ	75.000	WEV1081MYH WEV1081-7MYH	75.000
	Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV1181SW WEV1181-7SW	71.000	WEV1181MYZ WEV1181-7MYZ	130.000	WEV1181MYH WEV1181-7MYH	130.000
	Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV1582SW WEV1582-7SW	103.000	WEV1582MYZ WEV1582-7MYZ	182.000	WEV1582MYH WEV1582-7MYH	182.000
	Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEI1171SW-VN	175.000	WEV1171MYZ	280.000	WEV1171MYH	280.000
	Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bất vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng * Dự kiến có hàng T9.2025	WEV157207SW	150.000	WEV157207MYZ	260.000	WEV157207MYH	260.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng, bất vít 1-port USB Fast Charger, Vertical, Pillar Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF108107-VN	620.000	WEF108107MYZ-VN	880.000	WEF108107MYH-VN	880.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng chuẩn C, PD-18W, bất vít 1-port USB Charger (USB-C Power Delivery), Vertical, Pillar Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF412417W-VN	900.000	WEF412417MYZ-VN	1.300.000	WEF412417MYH-VN	1.300.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng, cắm nhanh 2-port USB Fast Charger, Vertical, Quick Connect Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF11821W	735.000	WEF11821MYZ-VN	1.020.000	WEF11821MYH-VN	1.020.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng chuẩn A-C, cắm nhanh 2-port USB A - C Type Fast Charger, Quick Connect Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF14821W-VN	1.040.000	WEF14821MYZ-VN	1.500.000	WEF14821MYH-VN	1.500.000
	Ổ cắm anten TV, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2501SW	89.000	WEV2501MYZ	140.000	WEV2501MYH	140.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2364SW	89.000	WEV2364MYZ	140.000	WEV2364MYH	140.000
	Ổ cắm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2488SW - CAT5E WEV24886SW - CAT6	194.000 232.000	WEV2488MYZ - CAT5E WEV24886MYZ - CAT6	291.000 426.000	WEV2488MYH - CAT5E WEV24886MYH - CAT6	291.000 426.000
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68010	21.000	WEVH68010MYZ	40.600	WEVH68010MYH	40.600
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68020	21.000	WEVH68020MYZ	40.600	WEVH68020MYH	40.600
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68030	21.000	WEVH68030MYZ	40.600	WEVH68030MYH	40.600
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68040	37.500	WEVH68040MYZ	81.000	WEVH68040MYH	81.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68060	37.500	WEVH68060MYZ	81.000	WEVH68060MYH	81.000
	Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH8061	21.000	WEVH8061MYZ	40.600	WEVH8061MYH	40.600
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68910	21.000	WEVH68910MYZ	40.600	WEVH68910MYH	40.600
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH680290	21.000	WEVH680290MYZ	40.600	WEVH680290MYH	40.600
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	Acrylic WEGH6801CW-VN	229.000	WEGH6801CYZ-VN	255.000	WEGH6801CYH-VN	255.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	Acrylic WEGH6802CW-VN	229.000	WEGH6802CYZ-VN	255.000	WEGH6802CYH-VN	255.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	Acrylic WEGH6803CW-VN	229.000	WEGH6803CYZ-VN	255.000	WEGH6803CYH-VN	255.000
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	Acrylic WEGH68029CW-VN	229.000	WEGH68029CYZ-VN	255.000	WEGH68029CYH-VN	255.000

*Để lắp 2 mặt acrylic gần nhau, khoảng cách cạnh trên 2 để âm đơn là 1cm

*Giá bán đã bao gồm VAT

ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng



	WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	14.000
	WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	118.000
	WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	460.000
	WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	142.000
	WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	37.500
	WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	134.000
	WNG5343W-761 Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng (có chữ) Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	197.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy lạnh (có chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	197.000
	WBG5414699W-SP Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	197.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	62.000
	WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	191.000
	WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting switch B, single pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	46.000
	WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	11.000
	WZV7841W Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WZV7842W Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WZV7843W Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	32.000
	WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	28.000
	WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A, round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	33.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	33.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	62.000
	WNV138307W Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A Triple universal FULL receptacle with safety shutter Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	70.000
	WNG159237W Ổ cắm có dây nối đất, không màn che, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	81.000
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	58.000
	WZV1201W Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	68.000
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	96.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	182.000
	WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	11.000
	WN7601-8 Mặt 1 kim loại WN7602-8 Mặt 2 kim loại WN7603-8 Mặt 3 kim loại Stainless steel plate	98.000
	WZV7061W Mặt góc vuông dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WZV7844W Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.300
	WZV7846W Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.300





Moderva



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF501-VN	80.000	WMF501MYZ-VN	113.000	WMF501MYH-VN	113.000
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF511-1VN	88.000	WMF511MYZ-1VN	122.000	WMF511MYH-1VN	122.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF502-VN	105.000	WMF502MYZ-VN	147.000	WMF502MYH-VN	147.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF512-1VN	113.000	WMF512MYZ-1VN	157.000	WMF512MYH-1VN	157.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V - 20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMFV503307	190.000	WMFV503307MYZ	268.000	WMFV503307MYH	268.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMF594-VN	245.000	WMF594MYZ-VN	345.000	WMF594MYH-VN	345.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF503-VN	116.000	WMF503MYZ-VN	163.000	WMF503MYH-VN	163.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF513-1VN	127.000	WMF513MYZ-1VN	177.000	WMF513MYH-1VN	177.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF504-VN	138.000	WMF504MYZ-VN	190.000	WMF504MYH-VN	190.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF514-1VN	149.000	WMF514MYZ-1VN	207.000	WMF514MYH-1VN	207.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMF596-VN	387.000	WMF596MYZ-VN	539.000	WMF596MYH-VN	539.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF505-VN	157.000	WMF505MYZ-VN	222.000	WMF505MYH-VN	222.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF515-1VN	172.000	WMF515MYZ-1VN	237.000	WMF515MYH-1VN	237.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF506-VN	177.000	WMF506MYZ-VN	245.000	WMF506MYH-VN	245.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF516-1VN	188.000	WMF516MYZ-1VN	265.000	WMF516MYH-1VN	265.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF507-VN	232.000	WMF507MYZ-VN	323.000	WMF507MYH-VN	323.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF517-1VN	249.000	WMF517MYZ-1VN	348.000	WMF517MYH-1VN	348.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF508-VN	260.000	WMF508MYZ-VN	362.000	WMF508MYH-VN	362.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF518-1VN	279.000	WMF518MYZ-1VN	392.000	WMF518MYH-1VN	392.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMFV7811	50.000	WMFV7811MYZ	69.000	WMFV7811MYH	69.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMFV7812	50.000	WMFV7812MYZ	69.000	WMFV7812MYH	69.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMFV7813	50.000	WMFV7813MYZ	69.000	WMFV7813MYH	69.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type cover plate	WMF6891-VN	50.000	WMF6891MYZ-VN	69.000	WMF6891MYH-VN	69.000
	Công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WMF535-VN	799.000	WMF535MYZ-VN	851.000	WMF535MYH-VN	851.000
	Công tắc có đèn báo "Không làm phiền", "Đón phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF984-VN	245.000	WMF984MYZ-VN	342.000	WMF984MYH-VN	342.000
	Nút nhấn chuông có đèn báo "Không làm phiền", "Đón phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF936-VN	1.149.000	WMF936MYZ-VN	1.194.000	WMF936MYH-VN	1.194.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Bell push button	WMF223-VN	110.000	WMF223MYZ-VN	155.000	WMF223MYH-VN	155.000
	Nút nhấn mở cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Unlock push button	WMF224-VN	110.000	WMF224MYZ-VN	155.000	WMF224MYH-VN	155.000
	Nút nhấn rèm cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Curtain switch	WMF533-VN	144.000	WMF533MYZ-VN	199.000	WMF533MYH-VN	199.000
	Ổ cắm máy cạo râu (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Shaver socket	WMF132-VN	1.254.000	WMF132MYZ-VN	1.315.000	WMF132MYH-VN	1.315.000
	Ổ cắm TV (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Television terminal	WMF301-VN	140.000	WMF301MYZ-VN	199.000	WMF301MYH-VN	199.000
	Ổ cắm CATV (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) High-shield television terminal	WMF311-VN	163.000	WMF311MYZ-VN	227.000	WMF311MYH-VN	227.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Telephone modular jack (6P4C)	WMF403-VN	149.000	WMF403MYZ-VN	193.000	WMF403MYH-VN	193.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMF421-VN	285.000	WMF421MYZ-VN	400.000	WMF421MYH-VN	400.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMF422-VN	450.000	WMF422MYZ-VN	627.000	WMF422MYH-VN	627.000





HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	114.000	WMT501MYZ-VN	126.000	WMT501MYH-VN	126.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	140.000	WMT502MYZ-VN	152.000	WMT502MYH-VN	152.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	400.000	WMT594MYZ-VN	432.000	WMT594MYH-VN	432.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	182.000	WMT503MYZ-VN	191.000	WMT503MYH-VN	191.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	217.000	WMT504MYZ-VN	228.000	WMT504MYH-VN	228.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	763.000	WMT596MYZ-VN	829.000	WMT596MYH-VN	829.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	244.000	WMT505MYZ-VN	267.000	WMT505MYH-VN	267.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	260.000	WMT506MYZ-VN	283.000	WMT506MYH-VN	283.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	400.000	WMT507MYZ-VN	432.000	WMT507MYH-VN	432.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	478.000	WMT508MYZ-VN	512.000	WMT508MYH-VN	512.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	71.000	WMT7811MYZ-VN	93.000	WMT7811MYH-VN	93.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị/ ổ đơn 3 chấu (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	71.000	WMT7812MYZ-VN	93.000	WMT7812MYH-VN	93.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	71.000	WMT7813MYZ-VN	93.000	WMT7813MYH-VN	93.000
	Mặt kính đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	71.000	WMT6891MYZ-VN	93.000	WMT6891MYH-VN	93.000
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/hộp, 5 cái/thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN WMT707K-VN	2.735.000	WMT707MYZ-VN WMT707MYZK-VN	2.954.000	WMT707MYH-VN WMT707MYHK-VN	2.954.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	175.000	WMT540108MYZ-VN	217.000	WMT540108MYH-VN	217.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	1.893.000	WEC5781MYZ-VN	1.997.000	WEC5781MYH-VN	1.997.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V-20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMTV503307	458.000	WMTV503307MYZ	510.000	WMTV503307MYH	510.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub





BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A



WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate

840.000



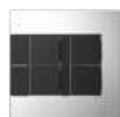
WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate

1.440.000



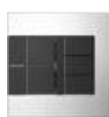
WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate

2.150.000



WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate

2.890.000



WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate

3.570.000



WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate

4.300.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS



WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate

705.000



WTFBP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate

1.230.000



WTFBP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate

1.840.000

WTFBP53572S-SP
(lắp ngang)
1.890.000

MẶT ĐẬY



WTFBP55137S-1
Bộ công tắc D có đèn báo
Illuminated switch D
2 ways, 2 devices with plate

830.000



WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A
1 - gang, 3 - devices

515.000



WTFB6503S-1-G
WTFB6503S-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS
1 gang, 3 devices with plate

440.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X



WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal

139.000



WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

139.000



WEV2488B
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack

275.000

WEG24886B-G
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack

305.000



WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W

660.000



WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shutter 16A - 250V

144.000



WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip

18.000



Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 3m
Extension cord 6 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng

831.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng

1.092.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 3m
Extension cord 5 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng

905.000



WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB - 2.1A, 3m
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói 10 cái/thùng

811.000



WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói 10 cái/thùng

458.000

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.186.000



DUF51200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.446.000



DU5900VTK (Kết hợp được với ổ đa năng WEI1171)
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.

1.310.000

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

1.955.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Grounding duplex universal receptacle

939.000



DU8199HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

868.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẦN TRẦN/BẢO CHÁY



WTKF339107-VN
Cảm biến gần trần cao - chiều cao lắp đặt lên đến 12.7m
8A 220V-240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút
*** Dự kiến có hàng 11/2025

Xuất xứ Đài Loan

3.140.000



SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị.
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi

Xuất xứ Nhật Bản

1.030.000



WTKF24816-VN
Sensor chính - Loại âm trần
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Độ cao trần 3.5m - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần

Xuất xứ Đài Loan

1.914.000



WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux
Độ cao trần 3.0m

Xuất xứ Thái Lan

1.643.000



WTKG2311/WTKF23113-VN
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Độ cao trần 3.5m

Xuất xứ Đài Loan

2.777.000



WTKF2911-VN
Sensor phụ - Loại âm trần
Kết nối với WTKG2411-P/WTKF24816-VN
Không kết nối với đèn
Độ cao trần 3.0m

Xuất xứ Đài Loan

983.000



WTKF337107-VN
Cảm biến góc rộng, gấp đôi vùng cảm biến (lên tới 13.3m)
8A 220V - 240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi, độ cao trần 4.2m
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút

Xuất xứ Đài Loan

3.224.000



WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Loại âm trần, độ cao trần 3.0m
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

Xuất xứ Thái Lan

1.290.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	92.500
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
	BBD1501CNV	50	240VAC/ 415VAC 06kA	217.000
	BBD1631CNV	63		
	BBD2062CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	265.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
	BBD2502CNV	50	240VAC/ 415VAC 06kA	438.000
	BBD2632CNV	63		
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	469.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
	BBD3503CNV	50	415VAC 06kA	702.000
	BBD3633CNV	63		
	BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	662.000
	BBD4204CNV	20		
	BBD4254CNV	25		
	BBD4324CNV	32		
	BBD4404CNV	40	415VAC 06kA	987.000
	BBD4504CNV	50		
	BBD4634CNV	63		

Đóng gói
12 cái/hộp
48 cái/thùng

Đóng gói
6 cái/hộp
24 cái/thùng

Đóng gói
4 cái/hộp
16 cái/thùng

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)
	BBD1061CHHV	06	240VAC/ 415VAC 10kA	140.000
	BBD1101CHHV	10		
	BBD1161CHHV	16		
	BBD1201CHHV	20		
	BBD1251CHHV	25		
	BBD1321CHHV	32		
	BBD1401CHHV	40	240VAC/ 415VAC 10kA	165.000
	BBD1501CHHV	50		
	BBD1631CHHV	63	240VAC/ 415VAC 10kA	322.000
	BBD10801CHV	80		
	BBD11001CHV	100	230VAC 10kA	874.000
	BBD2062CHHV	06	415VAC 10kA	406.000
	BBD2102CHHV	10		
	BBD2162CHHV	16		
	BBD2202CHHV	20		
	BBD2252CHHV	25		
	BBD2322CHHV	32		
	BBD2402CHHV	40	415VAC 10kA	473.000
	BBD2502CHHV	50		
	BBD2632CHHV	63	400VAC 10kA	660.000
	BBD20802CHV	80		
	BBD21002CHV	100	400VAC 10kA	1.747.000
	BBD3063CHHV	06	415VAC 10kA	707.000
	BBD3103CHHV	10		
	BBD3163CHHV	16		
	BBD3203CHHV	20		
	BBD3253CHHV	25		
	BBD3323CHHV	32		
	BBD3403CHHV	40	415VAC 10kA	1.061.000
	BBD3503CHHV	50		
	BBD3633CHHV	63	400VAC 10kA	2.122.000
	BBD30803CHV	80		
	BBD31003CHV	100	400VAC 10kA	2.236.000
	BBD4064CHHV	06	415VAC 10kA	998.000
	BBD4104CHHV	10		
	BBD4164CHHV	16		
	BBD4204CHHV	20		
	BBD4254CHHV	25		
	BBD4324CHHV	32		
	BBD4404CHHV	40	415VAC 10kA	1.508.000
	BBD4504CHHV	50		
	BBD4634CHHV	63	400VAC 10kA	3.276.000
	BBD40804CHV	80		
	BBD41004CHV	100	400VAC 10kA	3.494.000

Đóng gói
12 cái/hộp
120 cái/thùng

Đóng gói
6 cái/hộp
60 cái/thùng

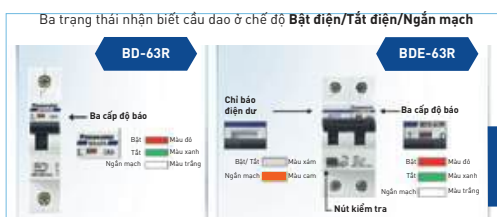
Đóng gói
4 cái/hộp
40 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
30 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO



Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.



RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

RCBO Compact 2P1E	Mã số (Code)	I_n [A]	$I_{\Delta n}$ [mA]	I_{cu} [kA]	Giá lẻ (cái)
	BBPE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	720.000
	BBPE21631CNV	16			
	BBPE22031CNV	20			
	BBPE22531CNV	25			
	BBPE23231CNV	32			

1 cái/ hộp
48 cái/ thùng

RCBO 2P1E	Mã số (Code)	I_n [A]	$I_{\Delta n}$ [mA]	I_{cu} [kA]	Giá lẻ (cái)
	BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	628.000
	BBDE21631CNV	16			
	BBDE22031CNV	20			
	BBDE22531CNV	25			673.000
	BBDE23231CNV	32			
	BBDE24031CNV	40			
	BBDE25031CNV	50			954.000
	BBDE26331CNV	63			

6 cái/hộp

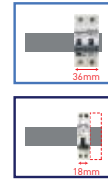
24 cái/thùng

6 cái/ hộp
24 cái/ thùng



**Chọn hơn
Tối ưu hơn**

* Hai cấp độ bảo vệ:
Bật: màu đỏ (cấp điện)
Tắt: màu xanh (ngắt điện)



RCBO 4P4E	Mã số (Code)	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (cái)
	BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.581.000
	BBDE43234CNV	32			
	BBDE44034CNV	40			
	BBDE45034CNV	50			
	BBDE46334CNV	63			2.079.000

4 cái/thùng

4 cái/ thùng

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

RCCB 2P	Mã số Code	I_n [A]	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	Giá lẻ (cái)
	BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.091.000
	BBDR23230HV	32		
	BBDR24030HV	40		
	BBDR26330HV	63		1.310.000

5 cái/hộp

30 cái/thùng

5 cái/ hộp
30 cái/ thùng

RCCB 4P	Mã số Code	I_n [A]	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	Giá lẻ (cái)
	BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.747.000
	BBDR43230HV	32		
	BBDR44030HV	40		
	BBDR46330HV	63		2.621.000

4 cái/hộp

16 cái/thùng

4 cái/ hộp
16 cái/ thùng

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications		Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	
	BS11106TV	6	1	89.000
	BS11107TV	10	1.5	
	BS11111TV	15	1.5	
	BS11112TV	20	1.5	
	BS11113TV	30	1.5	
	BS11114TV	40	1.5	

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	
	BJS153251V	15	1.5	30	536.000
	BJS203251V	20			
	BJS303251V	30			
	BJJ23022-8	30	1.5	15	972.000
	BJJ23032-8	30	1.5	30	

Xuất xứ Thái Lan

Xuất xứ Nhật Bản

BỘ CẦU DAO CHỐNG RÒ 2P0E - EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	
	BJS3020NA2	30	1.5	15	383.000
	BJS3030NA2			30	
	BJJ23030-8	30	2.5	30	827.000

Xuất xứ Thái Lan

Xuất xứ Nhật Bản

ELCB-EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	
	BKW2503Y	50	2.5	30	1.695.000
	BKW2603SKY	60	10		2.496.000
	BKW21003KY	100	25		3.494.000

Xuất xứ Nhật Bản

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

SPD	Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
	Điện áp định mức (Un)	230V
	Điện áp làm việc lớn nhất (Uc)	320V (50/60Hz)
	Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
	Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (Imax)	40 kA
	Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1.5 kV
	Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
	Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
Đóng gói 50 cái/ thùng	* Thay thế SPD khi phản hiện thị màu xanh chuyển sang đỏ	3.140.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

NEW KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG DIN, ĐIỆN ÁP ĐIỀU KHIỂN $U_c = AC 240V$

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC61095, IEC60947-4-1

Bật: màu đỏ (cấp điện)

Mã số Code	Loại	I_n [A]	Kích thước (mm)	Giá lẻ (cái)
BMD2020204ACV	2NO (2 tiếp điểm thường mở)	20	17.8 x 82 x 60	980.000
BMD2025204ACV		25		980.000
BMD2040204ACV		40		1.400.000
BMD2063204ACV	4NO (4 tiếp điểm thường mở)	63	35.4 x 82 x 60	2.530.000
BMD4025404ACV		25		1.030.000
BMD4040404ACV		40		1.860.000
BMD4063404ACV		63		2.940.000

Tắt: màu xám (ngắt điện)

Bật: màu đỏ (cấp điện)

Tắt: màu xám (ngắt điện)

* I_n [A] Tham chiếu cho thiết bị tải AC-7a

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

SF Series		Thông số kĩ thuật - Specifications					Giá lẻ (cái)
Hình ảnh Images	Mã số Code	Dòng định mức I_n (A)	Khung dòng điện	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415VAC	Số cực		
 Xuất xứ P.R.C	BBSF2210CTCV	10	100AF	20	2P-2E	950.000	
	BBSF2216CTCV	16					
	BBSF2220CTCV	20					
	BBSF2225CTCV	25					
	BBSF2232CTCV	32					
	BBSF2240CTCV	40					
	BBSF2250CTCV	50					
	BBSF2263CTCV	63					
	BBSF2280CTCV	80					
	BBSF22100CTCV	100					
 160AF	BBSF3310CFV	10	160AF	35	3P-3E	1.620.000	
	BBSF3316CFV	16					
	BBSF3320CFV	20					
	BBSF3325CFV	25					
	BBSF3332CFV	32					
	BBSF3340CFV	40					
	BBSF3350CFV	50					
	BBSF3363CFV	63					
	BBSF33100CFV	100					
	BBSF34160CFV	160					
 250AF	BBSF34200CFV	200	250AF	50	3P-3E	3.500.000	
	BBSF34250CFV	250					
	BBSF35315CMCV	315					
	BBSF35350CMCV	350					
	BBSF35400CMCV	400					
	BBSF36500CMCV	500					
	BBSF36630CMCV	630					
	BBSF37700CMCV	700					
	BBSF37800CMCV	800					
 400AF 630AF 800AF Xuất xứ P.R.C			400AF	630AF	3P-3E	7.310.000	
			800AF	800AF	3P-3E	14.950.000	

Phụ kiện cuộn cắt (shunttrip) cho dòng SF Series

Hình ảnh Images	Mã số Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 160A, 200A, 250A	470.000
	BBS800Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 315A, 350A, 400A, 500A, 630A, 700A, 800A	970.000

YH/ MH Series		Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ [cái]
Hình ảnh Images	Mã số Code	Dòng định mức I _n (A)	Dòng cắt danh định I _c (kA) 415VAC	Số cực	
Xuất xứ Malaysia	BBC3601YHV	63	10	3P	1.785.000
 Xuất xứ Nhật Bản ***MCCB gắn kèm cuộn cắt	BBC31502YHVS	150	25	3P	3.970.000
	BBC32001YHVS	200			3.970.000
	BBC3250YHVS	250	4.040.000		
	BBC3600YHV	600	24.100.000		
 Xuất xứ Nhật Bản	BBC3630YHV	630	36	3P	49.300.000
	BBC3800YHV	800			
	BBC35300CMHV	300	50	3P	7.310.000
BBC35350CMHV	350				
BBC35400CMHV	400				
BBC36500GMHV	500	12.770.000			
BBC36630GMHV	630				
 Xuất xứ P.R.C	BBC37700GMHV	700			14.950.000
	BBC37800GMHV	800			

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật (Specifications)			Số cực	Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)			
			220 VAC	415 VAC		
	BBW240SKY	40	10	2.5	2P	925.000
	BBW250SKY	50				990.000
	BBW260Y	60	5	2.5		
	BBW310Y	10	2.5	1.5	3P	725.000
	BBW315Y	15				
	BBW320Y	20				
	BBW330Y	30				
		BBW340SKY	40	10		2.5
BBW350SKY		50				
BBW360SKY		60				

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Hình ảnh	Mã số	Màu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm)					Giá lẻ (cái)
					Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	
 Moderva	BQDF08W31AV	Trắng	8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	760.000
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim								1.020.000
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim								1.020.000
	BQDF12W31AV	Trắng	12 đường Thanh lược + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	960.000
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim								1.290.000
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim								1.290.000
	BQDF16W31AV	Trắng	16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.120.000
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim								1.490.000
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim								1.490.000
	BQDF24W11AV	Trắng	24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	1.960.000
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim								2.630.000
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim								2.630.000
 Level Art	BQDX08T11AV	Trắng	8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	1.290.000
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim								2.860.000
	BQDX12T11AV	Trắng	12 đường Thanh lược + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.410.000
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim								3.080.000
	BQDX16T11AV	Trắng	16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.600.000
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim								3.410.000
	BQDX24T11AV	Trắng	24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.420.000
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim								5.230.000
	BQDX32T11AV	Trắng	32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.120.000
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim								6.330.000
 NEW	BQDX40T21AV	Trắng	40 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	446 x 380 x 100	-	9	8	2	2	3.720.000
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim								7.530.000



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

	TB178	TB118	TB35809NE5	TB38809NE7	TB4728KE7V
					
Giá lẻ (cái)	650.000	1.050.000	785.000	1.210.000	1.840.000
Loại/ Type	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
Hẹn giờ/ Functions	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
Chương trình Operation	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
Công suất Consumption	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC, 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
Pin dự trữ Battery	-	300 giờ TB380N2457 Giá lẻ: 209.000	-	300 giờ TB380N2457 Giá lẻ: 209.000	5 năm
Độ chia nhỏ nhất Min setting (mins)	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP

	WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground	252.000
	WK2320K 250V - 20A - 3P	265.000
	WK2330 250V - 30A - 2P + Ground	736.000
	Ổ cắm locking loại nổi, màu đen Locking surface mounting receptacle black	
	WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground	401.000
	WK2430 250V - 30A - 3P + Ground	811.000
	Ổ cắm locking loại nổi, màu đen Locking surface mounting receptacle black	
	WK1330 Ổ cắm chuyên dùng Surface mounting receptacle 250V - 30A - 3P	664.000
	WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground	243.000
	WF2320WK 250V - 20A - 3P	228.000
	WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground	610.000
	WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground	398.000
	WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground	754.000
	WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground	398.000
	WN1518R Ổ cắm dẹt có dây nối đất Grounding flat pin receptacle 125V - 15A	336.000
	WN37008 Đai kim loại Metal - Frame	33.000

	WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground	160.000
	WF6320 250V - 20A - 3P	220.000
	WF6330 250V - 30A - 2P + Ground	562.000
	Phích cắm locking/Locking Plug	
	WF6420 250V - 20A - 3P + Ground	254.000
	WF6430 250V - 30A - 3P + Ground	714.000
	Phích cắm locking/Locking plug	
	WF4330 Phích cắm kín nước - Rubber plug 250V - 30A - 3P	888.000
	WN9513/ WN9514 Mặt nhôm lỗ tròn - Đường kính 35.5/45.5mm 1 gang - 1 device aluminum plate 35.5 dia/45.5 dia	113.000
	WN3040K-8 Trạm nối đất Grounding - terminal	95.000

CHUÔNG ĐIỆN

	EGG331 Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A Bell push button Đóng gói 20 cái/thùng Kết nối được 02 chuông EBG888	112.000
	EBG888 Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB Door chime Đóng gói 10 cái/thùng	193.000

CÔNG TẮC THÉ

	WNH5611-801 - Công tắc thếp (3 tiếp điểm) - Tablet switch (3 circuits) - Sử dụng với mặt WZV7843W - 250V - 10A	1.810.000
---	--	-----------

PHÍCH CẮM MEIKOSHA

	ME2592W Phích cắm 3 chấu - Grounding plug 125V - 15A Đóng gói 10 cái/hộp	120.000
---	---	---------

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



DIMMER



NDF603F/NDL603F-Full
NDF603W/NDL603W-Wide
 - Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
 - Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng **63.500**



NDL903F-Full/NDL903W-Wide
 - Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn - 220VAC - 1000W
 - Dimmer for incandescent lamp
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng **70.000**

CẦU CHÌ



NF101F-Full/NF101W-Wide
FF102F-Nano-Full/FF102W-Nano-Wide
 - Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng **16.800**



NEW NF102F-Full
NEW NF102W-Wide
 - Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng **18.500**

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

* Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007



NP10250D
 - Phích cắm đơn 10A - 250V
 - Chân cắm bằng đồng Ø 4.0mm
 - Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
 - Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
 - Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp; 200 cái/ thùng **7.500**

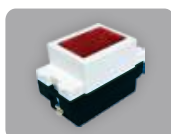
ĐÈN BÁO



N302WF-Nanoco-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
 - Đèn báo màu trắng
 - Pilot lamp, white 220VAC **18.000**



N302GF-Nanoco-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
 - Đèn báo màu xanh
 - Pilot lamp, green 220VAC **18.000**



N302RF-Nanoco-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
 - Đèn báo LED màu đỏ
 - Pilot lamp, red 220VAC **18.000**

Ổ CẮM CÓ DÂY

An toàn và tiện lợi

Đạt tiêu chuẩn: IEC 60884-1:2002



- Nhựa chống cháy, chịu va đập

- Rò rỉ bảo vệ quá nhiệt, có màng che an toàn
 - Tiếp điểm bằng đồng dẫn điện tốt, độ bền cao
 - Công tắc có đèn LED



NES5215-3 - Dây 3m **185.000**
NES5215-5 - Dây 5m **222.000**
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W
 - Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES332U-3 - Dây 3m **285.000**
NES332U-5 - Dây 5m **340.000**
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W, USB 2.1A
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc
 - Đèn báo chuyển sang màu xanh khi sạc đầy
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3 - Dây 3m **235.000**
NES3332-5 - Dây 5m **280.000**
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3320-5 - Dây 5m **248.000**
 - Công suất 20A - 250V ~ 5000W
 - Nhựa chịu nhiệt cao
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
 - Dùng cho nồi lẩu, bếp điện
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES43415-3 - Dây 3m **252.000**
NES43415-5 - Dây 5m **300.000**
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W
 - Loại 4 ổ cắm đa năng + 4 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3S1 - Dây 3m **145.000**
NES3332-5S1 - Dây 5m **175.000**
 - Công suất 10A - 250V ~ 2500W
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES4213-3S1 - Dây 3m **115.000**
NES4213-5S1 - Dây 5m **140.000**
 - Công suất 10A - 250V ~ 2500W
 - Loại 4 ổ 2 chấu + 1 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



ĐUI ĐÈN E27



NEW NAE2790WM1 - Màu trắng, kèm vít **11.000**
NAE2790W - Màu trắng **10.000**
NAE2790BK - Màu đen **10.000**
 - Đui đèn E27 loại 90°
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE2727W - Màu trắng **10.000**
NAE2727BK - Màu đen **10.000**
 - Đui đèn E27 loại đi động
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE2720W - Màu trắng **12.500**
NAE2720BK - Màu đen **12.500**
 - Đui đèn E27 loại đi động có dây dài 20cm
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NEW NAE2745WM1 - Màu trắng, kèm vít **11.000**
NAE2745W - Màu trắng **10.000**
NAE2745BK - Màu đen **10.000**
 - Đui đèn E27 loại nghiêng 45°
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NEW NAE4590WM1 - Màu trắng, kèm vít **13.500**
NAE4590W - Màu trắng **11.500**
 - Đui đèn E27 xoay đa năng
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



ĐUI ĐÈN E27



TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

Hình ảnh	Mã số	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDP104P	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDP110	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDP114	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

* Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005

BÚT THỬ ĐIỆN

An toàn, tiện lợi

NEP1501

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500

NEP1502

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500

NEP1201 - Bút thử điện đa năng

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Đèn chỉ thị, Đèn LED chiếu sáng, Pin AG3-1.5V
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp

51.000

NEP1202 - Bút thử điện đa năng

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 20 cái/hộp

24.000

NEP7250 - Bút thử điện đa năng

- Dễ dàng thấy đèn báo ngay cả trong ánh sáng tự nhiên
- Công nghệ 2 đèn báo LED 2 màu thông minh
- Nhựa chống rơi, kín nước IP66
- Kiểm tra điện cảm ứng khoảng cách 30 - 60 mm
- Đầu bút hợp kim titan bền bỉ
- Điện áp kiểm tra 70V - 250V (AC-DC)
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp

33.000

NCS7001

- Công tắc thể (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

840.000

CÔNG TẮC THỂ

CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN KHÔNG DÂY

NJX378

- Chuông báo cảm biến không dây
- DC 4.5V/ Max 0.5W
- Bảo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Bảo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- Vùng cảm biến: 4 - 8m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA; Có thể kết nối thêm với chuông ND156/ND157
- Đóng gói 1 bộ/vi treo; 10 bộ/thùng

330.000

NJX379-156

- Chuông báo cảm biến không dây kèm chuông điện báo xa đến 150m
- 110V - 240V/ Max 0.5W
- Bảo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Bảo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- 3 mức cảm biến: OFF, LOW ≤ 4m, HIGH ≤ 10m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA
- Đóng gói: 1 cái/vi treo, 10 bộ/thùng

550.000

CHUÔNG ĐIỆN KHÔNG DÂY

ND156 - Đóng gói hộp
ND1561 - Đóng gói vi treo

ND157 - Đóng gói hộp
ND1571 - Đóng gói vi treo

NDT15

ND153W **ND153BK**

NDT153W **NDT153BK**

*Giá bán đã bao gồm VAT

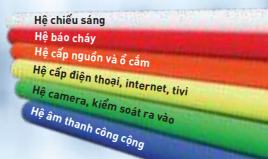
Ứng dụng tích điểm đổi quà của Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub

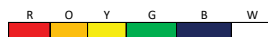


ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010
IEC61386_1:2008
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 + A11:2010



Ống luồn dây điện dạng tròn



Mã số	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ ống (cây)	
					Trắng	Màu
FPC16L	Ø16	1.25 ± 0.1	320	50	22.000	
FPC20L	Ø20	1.3 ± 0.1	320	50	29.000	
FPC25L	Ø25	1.4 ± 0.1	320	25	42.000	
FPC32L	Ø32	1.75 ± 0.1	320	20	67.000	
FPC16H	Ø16	1.55 ± 0.1	1250	50	31.000	
FPC20H	Ø20	1.7 ± 0.1	1250	50	41.000	
FPC25H	Ø25	2.0 ± 0.1	1250	25	59.000	
FPC32H	Ø32	2.1 ± 0.1	1250	20	111.000	
FPC40H	Ø40	2.3 ± 0.1	1250	10	146.000	
FPC50H	Ø50	2.65 ± 0.1	1250	10	193.000	
FPC16	Ø16	1.35 ± 0.1	750	50	25.000	28.000
FPC20	Ø20	1.4 ± 0.1	750	50	33.000	36.000
FPC25	Ø25	1.45 ± 0.1	750	25	48.000	53.000
FPC32	Ø32	1.85 ± 0.1	750	20	74.000	81.000

Ghi chú: Chiều dài 2.92m/cây.

Nẹp luồn dây điện dạng vuông

NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn
IEC61084-2-1:2017



Mã số	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0.7 ± 0.1	1.7	50	9.000
NNV1720	20x10	0.7 ± 0.1	1.7	50	11.400
NNV1725	25x14	0.9 ± 0.1	1.7	50	17.400
NNV1730	30x16	1.0 ± 0.1	1.7	50	21.000
NNV1740	40x18	1.2 ± 0.1	1.7	25	32.600
NNV1750	50x35	1.4 ± 0.1	1.7	10	70.000
NNV1760	60x40	1.5 ± 0.1	1.7	6	88.000
NNV1780	80x60	1.7 ± 0.1	1.7	6	143.000
NNV17100	100x60	1.8 ± 0.1	1.7	6	209.000
NNV2015	15x9	0.7 ± 0.1	2.0	50	10.500
NNV2020	20x10	0.7 ± 0.1	2.0	50	13.500
NNV2025	25x14	0.9 ± 0.1	2.0	50	20.800
NNV2030	30x16	1.0 ± 0.1	2.0	50	24.800
NNV2040	40x18	1.2 ± 0.1	2.0	25	38.000
NNV2050	50x35	1.4 ± 0.1	2.0	10	83.000
NNV2060	60x40	1.5 ± 0.1	2.0	6	104.000
NNV2080	80x60	1.7 ± 0.1	2.0	6	165.000
NNV20100	100x60	1.8 ± 0.1	2.0	6	248.000

Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

PVC	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	170.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	245.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	255.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	299.000

PVC	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	199.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	285.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	305.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	310.000

Ống xoắn HDPE	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
Trắng/ Xám	FRG16PE	16mm (50m/cuộn)	153.000
	FRG20PE	20mm (50m/cuộn)	220.000
	FRG25PE	25mm (40m/cuộn)	229.000
	FRG32PE	32mm (25m/cuộn)	269.000

Khớp nối trơn	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói 100 cái/thùng	840
	NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.200
	NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.900
	NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.500
	Nano FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói 30 cái/bao	9.500
	Nano FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	13.000

Đầu và khớp nối ren	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1,200 cái/thùng	3.300
	NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1,000 cái/thùng	3.500
	NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	4.000
	NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.300

Kẹp đỡ ống	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao, 3,000 cái/thùng	950
	NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao, 3,000 cái/thùng	1.200
	NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao, 2,000 cái/thùng	2.000
	NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	3.000
	Nano FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	5.000

Nắp dây hộp nối tròn

	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	NPA2620	Nắp dây hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1,500 cái/thùng	2.100
	NPA2720F	Nắp dây hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.500



T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16. Đóng gói: 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.000
NPA0420	T nối cho ống Ø20. Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.900
NPA0425	T nối cho ống Ø25. Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.800
NPA0432	T nối cho ống Ø32. Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	8.100
Nano FPA0440	T nối cho ống Ø40. Đóng gói 10 cái/bao	14.500
Nano FPA0450	T nối cho ống Ø50. Đóng gói 10 cái/bao	17.000

T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20. Đóng gói 25 cái/bao	9.500
FPA0425C	T nối có nắp Ø25. Đóng gói 10 cái/bao	15.000
FPA0432C	T nối có nắp Ø32. Đóng gói 10 cái/bao	18.000

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	7.000
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.600
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	8.100
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	7.000
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.600
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	8.100
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	7.000
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.600
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	8.100
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.500

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	7.000
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.600
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	8.100
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	7.000
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.600
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	8.100
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.500

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16. Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.500
NPA0320	Co cho ống Ø20. Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.300
NPA0325	Co cho ống Ø25. Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.500
NPA0332	Co cho ống Ø32. Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.800
Nano FPA0340	Co cho ống Ø40. Đóng gói 20 cái/bao	13.000
Nano FPA0350	Co cho ống Ø50. Đóng gói 15 cái/bao	17.800

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20. Đóng gói 50 cái/bao	6.000
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25. Đóng gói 40 cái/bao	10.500
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32. Đóng gói 20 cái/bao	16.000

Đầu nối ống mềm PVC



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16. Đóng gói 100 cái/bao	13.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20. Đóng gói 100 cái/bao	17.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25. Đóng gói 50 cái/bao	25.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32. Đóng gói 50 cái/bao	39.000

Đầu giảm



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16. Đóng gói 100 cái/bao	1.700
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20. Đóng gói 100 cái/bao	2.600
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25. Đóng gói 50 cái/bao	4.100
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32. Đóng gói 40 cái/bao	8.100
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40. Đóng gói 30 cái/bao	10.200

Lò xo uốn ống



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M2	Lò xo uốn ống Ø16	53.000
FLXU016L/L2	Lò xo uốn ống Ø16	
FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20	79.000
FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25	92.000
FLXU025L/L2	Lò xo uốn ống Ø25	
FLXU032M2	Lò xo uốn ống Ø32	137.000
FLXU032L/L2	Lò xo uốn ống Ø32	

**Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N*



*Giá bán đã bao gồm VAT

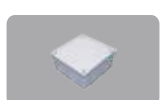
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng



PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB

	NS80 - Đai sắt dùng cho HB - (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W) - Frame for HB - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	9.000
	NN81 - Đai nhựa dùng cho HB - (Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW) - Frame for HB - Đóng gói 100 cái/thùng	4.000
	NHB9801 - Hộp nối dùng cho HB - Mounting surface plate for HB - Đóng gói 100 cái/thùng	8.000
	NBD9802 - Hộp nối dùng cho CB 2 tép - Mounting surface plate for MCB 2P - Kích thước: 121x54x69.47mm - Đóng gói 30 cái/thùng	18.000

HỘP NỔI DÂY

	NPA10050V - Hộp nối dây 100x100x50mm - Wiring box - Đóng gói 30 cái/thùng	22.000
	NPA12050V - Hộp nối dây 120x120x50mm - Wiring box - Đóng gói 30 cái/thùng	27.000
	NPA15055V - Hộp nối dây 150x150x55mm - Wiring box - Đóng gói 20 cái/thùng	39.000
	NPA20065V - Hộp nối dây 200x200x65mm - Wiring box - Đóng gói 10 cái/thùng	68.000
	NPA103V - Hộp nối dây tròn 90x90x40mm - Round junction box - Đóng gói 60 cái/thùng	12.000

MẶT THIẾT BỊ

	NB9601 - Nắp kín đơn - Wiring box lid - 1 gang - Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng	6.000
	NB9602 - Nắp kín đôi - Wiring box lid - 2 gang - Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng	8.000
	NA105-N - Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS - Wiring box lid - BS Standard - Đóng gói 50 cái/bao, 700 cái/thùng	3.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI

	NBD200 - Hộp âm cho CB tép - Wiring box for MCB - Kích thước: 115x66x58mm - Đóng gói 20 cái/thùng	9.000
	NA101TM1 - Hộp âm nhựa trắng, đơn, bắt vít - Wiring box - 1 gang - Kích thước: 106x64x43mm - Đóng gói 100 cái/thùng	6.600
	NA101 - Hộp âm nhựa trắng, đơn, kèm vít - Wiring box - 1 gang - Kích thước: 106x64x43mm - Đóng gói 100 cái/thùng	6.200
	NA102 - Hộp âm đôi - Wiring box - 2 gang - Kích thước: 109x103x44mm - Đóng gói 60 cái/thùng	10.500
	NA105 - Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS - Wiring box - BS Standard - Kích thước: 80x80x42.5mm - Đóng gói 100 cái/thùng	6.200
	NA106 - Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu (Dùng cho WEB1051W) - Wiring Box (Compatible with Shaver Socket) - Kích thước: 135x75.6x58mm - Đóng gói 40 cái/thùng	18.000
	NPCA104 - Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn - Wiring box - 2 gang - Kích thước: 131x106x42.5mm - Đóng gói 50 cái/thùng	10.500
	NN101F/ NN101W-Wide - Hộp nối đơn - Surface box - Kích thước: 120x70x35mm - Đóng gói 100 cái/thùng	10.500
	NN102F-Full/ NN102W-Wide - Hộp nối đôi - Duplex surface box - Kích thước: 120x115x35mm - Đóng gói 60 cái/thùng	16.000
	NEW NN105 - Hộp nối đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS - Surface box - BS Standard - Kích thước: 86x86x35.2mm - Đóng gói 100 cái/thùng	9.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nối, hộp nối dây đều có kèm vít

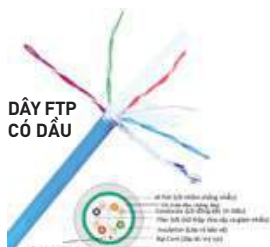
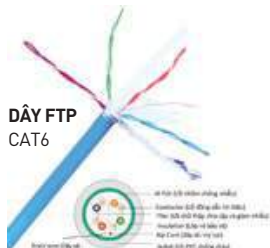


HỘP ÂM ĐÔI
DÙNG 2 MẶT ĐƠN

SỬ DỤNG CHO CÁC LOẠI MẶT DÒNG WIDE SERIES, HALUMIE - FULL COLOR

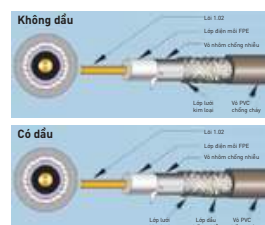


DÂY CÁP MẠNG



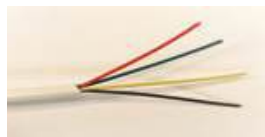
Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trợ lực	Vỏ PVC chịu nhiệt (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.50mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.50 CCA	PE 0.91	Có	PVC 5.1	840.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.51 CCA	PE 1.00	Có	PVC 5.1	1.050.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305 m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.51 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.360.000
NC5E-F1000	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, có dấu, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh /trắng	0.51 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.990.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.57 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.57 CCA ±0.01 mm	PE 1.02	Có	PVC 6	1.145.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.57 CCA ±0.01 mm	PE 1.00	Có	PVC 6.6	1.460.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.305.000
NC6-F1000	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dấu - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh /trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	5.250.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu, chịu nhiệt	Khoảng cách hoạt động	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	10-15m	750.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	10-15m	860.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - có dấu Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	10-15m	1.050.000
NRG6-961	RG6 - lõi Cu 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 100% Đồng	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	~100m	1.420.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Lớp vỏ bảo vệ	Vỏ PVC	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	0.5 CCA	HDPE	PVC	525.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

- Độ bám dính >0,35 Kg/25mm

- Điện áp đánh thủng >5kV



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPT10	10YDS	82.000/cây
FKPT20	20YDS	143.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



BK W Y R G B Xuất xứ PRC



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPC10	10YDS	60.000/cây
FKPC20	20YDS	110.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

Xuất xứ Đài Loan

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
 - Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
 - Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Xuất xứ Châu Âu

Made in Austria

Phích cắm cao su di động không kín nước
Plug (Splashproof)

F0511-SR
 - Rubber plug (Splashproof)
 phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
 16A, 250V, IP54

96.000



F0512-SR
 - Solid rubber plug (Splashproof)
 phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
 16A, 250V, IP54, chịu va đập

133.000



F2510-SR
 - Rubber connector (Splashproof)
 ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E',
 16A, 250V, IP20

97.000



F1050-0B
 - Socket outlet (Splashproof IP54)
 Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



F105-0B
 - Socket outlet (Splashproof IP54)
 Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54



81.000



F106-0
 - Mouting box (Splashproof IP44)
 Đế nối cho ổ cắm âm không kín nước

104.000

Ổ cắm chia 3 ngã
Multiple-socket outlet

F9432007
 16A - 3P - 230V - 6H - IP67

2.470.000



F9432006
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.588.000



F9432000
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.379.000



F9430401
 Ổ cắm chia 3 ngã
 16A - 3P - 230V - IP44

1.180.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67)
Switched interlocked sockets (Watertight IP67)

F61132-6
 16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.886.000



F61252-6
 32A - 5P - 400V - 6H - IP67

2.117.000



F75252-6
 32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.616.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)
Plug (Splashproof IP44)

F013-6ECO
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

81.000



F014-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

118.000

F015-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

132.000

F023-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

148.000

F024-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

155.000

F025-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44)
Connector (Splashproof IP44)

F213-6ECO
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

115.000



F214-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

148.000

F215-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

183.000

F223-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

180.000

F224-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

206.000

F225-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

263.000

Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44)
Wall socket (Splashproof IP44)

F113-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

159.000

F114-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

195.000

F115-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

F123-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

221.000

F124-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

233.000

F125-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

249.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (Splashproof IP44)

F313-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

166.000

F314-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

184.000

F315-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000

F323-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

206.000

F324-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

213.000

F325-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

244.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (Splashproof IP44)

F413-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

185.000

F414-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

218.000



F415-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

243.000

F423-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

289.000

F424-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

318.000

F425-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

349.000



Ổ CẮM, PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP PCE

Phích cắm di động loại kín nước (IP67)

Plug (Watertight IP67)

	F0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	313.000
	F0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	331.000
	F0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	353.000
	F0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	406.000
	F0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	432.000

	F033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	874.000
	F034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	897.000
	F035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	926.000
	F043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.676.000
	F044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.974.000
	F045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	2.249.000

	F0822-10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	331.000
---	-----------	--------------------------------	---------

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)

Connector (Watertight IP67)

	F2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	331.000
	F2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	366.000
	F2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	460.000
	F2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	471.000
	F2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	485.000
	F2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	525.000

	F233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.048.000
	F234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.070.000
	F235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.097.000
	F243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.305.000
	F244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.426.000
	F245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.602.000

	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	417.000
---	-------------	-----------------------------------	---------

Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)

Wall socket (Watertight IP67)

	F1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	480.000
	F1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	554.000
	F1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	607.000
	F1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	649.000
	F1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	696.000
	F1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	737.000

	F133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.158.000
	F134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.279.000
	F135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.389.000

	F143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.834.000
	F144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	3.010.000
	F145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	3.187.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)

Flanged socket straight (Watertight IP67)

	F3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	441.000
	F3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	471.000
	F3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	507.000
	F3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000

	F333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	696.000
	F334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000
	F343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.852.000
	F344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.985.000
	F345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.095.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)

Flanged socket sloping (Watertight IP67)

	F4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	277.000
	F4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	313.000
	F4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	324.000
	F4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000

	F433-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000

	F443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.798.000
	F444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.974.000
	F445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.195.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước

Container - Plug and Socket

(Watertight IP67)

	F0242-3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	336.000
---	----------	---	---------

	F1242-3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	983.000
---	----------	--	---------

	F2242-3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	482.000
--	----------	--	---------

	F3242-3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	568.000
---	----------	--	---------

Bộ tủ điện phân phối

	NDB313-232	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm <i>Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng</i>	935.000
---	------------	--	---------

	NDB313	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	630.000
---	--------	--	---------

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY** làm để **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**

NPA20065V

(*) Tham khảo thêm các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 25

nanoco Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)

	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	300.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	310.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	360.000
	NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	370.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	370.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	390.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	440.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	460.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	420.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	450.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	490.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	520.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng



Ổ cắm âm có nắp (IP54) - Outlet socket (IP54)

	NEW NIS105-0B	16A - 2P - 230V - IP54	60.000

Ổ cắm chia 3 ngã

	NEW NIS9432000	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	400.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44) - Wall socket (IP44)

	NEW NIS113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
	NIS114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
	NIS115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	120.000
	NIS123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	120.000
	NIS124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	135.000
	NIS125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

**Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (IP44)**

	NEW NIS313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
	NIS314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
	NIS315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	110.000
	NIS323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	130.000
	NIS324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	140.000
	NIS325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67) - Plug (Watertight IP67)

	NEW NIP0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
	NIP0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	175.000
	NIP0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	205.000
	NIP0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
	NIP0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
	NIP0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	295.000
	NEW NIP033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	495.000
	NIP034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	550.000
	NIP035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	600.000
	NIP043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	990.000
	NIP044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.380.000
	NIP045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm nổi loại kín nước (IP67) - Connector (Watertight IP67)

	NEW NIS2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	210.000
	NIS2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
	NIS2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
	NIS2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	300.000
	NIS2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
	NIS2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	370.000
	NEW NIS233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	600.000
	NIS234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	660.000
	NIS235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	740.000
	NEW NIS243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.200.000
	NIS244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
	NIS245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67) - Wall socket (Watertight IP67)

	NEW NIS1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	250.000
	NIS1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	270.000
	NIS1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
	NIS1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
	NIS1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
	NIS1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
	NEW NIS133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	540.000
	NIS134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	600.000
	NIS135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	660.000
	NEW NIS143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.250.000
	NIS144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.450.000
	NIS145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.580.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) - Plug (IP44)

	NEW NIP013-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	70.000
	NIP014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	85.000
	NIP015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	100.000
	NIP023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	110.000
	NIP024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	120.000
	NIP025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm nổi loại không kín nước (IP44) - Connector (IP44)

	NEW NIS213-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	95.000
	NIS214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	115.000
	NIS215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	130.000
	NIS223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	145.000
	NIS224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
	NIS225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	185.000

**Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (IP44)**

	NEW NIS413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	100.000
	NIS414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	130.000
	NIS415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000
	NIS423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	170.000
	NIS424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
	NIS425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	190.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)

	NEW NIS4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
	NIS4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	185.000
	NIS4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	200.000
	NIS4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
	NIS4242-6F78	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	290.000
	NIS4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	340.000
	NIS433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	NIS434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
	NIS435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	510.000

	NEW NIS443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	980.000
	NIS444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.150.000
	NIS445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.250.000

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước (IP67)
Container - Plug and Socket (Watertight IP67)**

	NEW Phích cắm - Plug	NIP0242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	215.000
	NEW Ổ cắm nổi - Wall socket	NIS1242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	490.000
	NEW Ổ cắm nổi - Connector	NIS2242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	260.000
	NEW Ổ cắm gắn âm dạng thẳng Flanged socket straight	NIS3242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	320.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)**

	NEW NIS3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	230.000
	NIS3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
	NIS3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
	NIS3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
	NIS3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	340.000
	NIS3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	360.000
	NIS333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	380.000
	NIS334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	490.000
	NIS335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	550.000
	NEW NIS343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	900.000
	NIS344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.180.000
	NIS345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.320.000

